

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2021/DS-ST
Ngày: 29 - 9 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa;
2. Ông Huỳnh Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 94/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 326/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 343/2021/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ;

Trụ sở: Số 130 đường L, quận Nh, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Trường Th, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh An Giang;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Bùi Trung H, chức vụ: Nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh An Giang; (Theo Văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 5 năm 2021).

2. Bị đơn: Ông Phan Trọng Th1, sinh năm: 1983;

Cư trú: Số 104/3 đường H1, Khóm IV, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông Bùi Trung H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Phan Trọng Th1 vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án, nguyên đơn do ông Bùi Trung H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 29 tháng 02 năm 2012, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (viết tắt là Ngân hàng Đ) - Chi nhánh An Giang có cho ông Phan Trọng Th1 là nhân viên công tác tại Ngân hàng Đ vay tín chấp dưới hình thức vay tiền trả góp số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 14%/năm, lãi quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất cho vay ban đầu, ngày cho vay là 29 tháng 02 năm 2012, theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp (Kiêm khế ước nhận nợ). Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Th1 đã nhận tiền vay và trả được số vốn 13.127.606 đồng và số lãi 6.219.034 đồng, sau đó không tiếp tục thanh toán nữa. Nhân viên Ngân hàng đã làm việc trực tiếp với ông Th1 nhiều lần nhưng đến nay ông Th1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ này như cam kết. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, ông Th1 còn nợ đối với khoản vay này là 16.872.394 đồng nợ gốc, 2.180.966 đồng nợ lãi trong hạn, 24.940.278 đồng nợ lãi quá hạn, tổng cộng là: 43.993.638 đồng.

Bên cạnh đó, vào ngày 01 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng Đ – Chi nhánh An Giang có cho ông Phan Trọng Th1 vay tiền theo hình thức thấu chi tài khoản thẻ với hạn mức 30.000.000 đồng; lãi suất thấu chi: 1,45%/tháng; lãi suất thấu chi quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất thấu chi trong hạn; quá thời hạn thấu chi mà chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tổng nợ thấu chi thì Ngân hàng Đ có quyền tạm phong tỏa tài khoản mà không cần báo trước và chuyển số dư nợ thấu chi sang nợ quá hạn; việc thu hồi nợ vẫn được thực hiện khi việc sử dụng thẻ hay tài khoản thẻ chưa hoặc đã chấm dứt hoặc tổng nợ thấu chi chưa hoặc vượt quá hạn mức thấu chi... theo Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ ngày 01 tháng 12 năm 2012. Trong quá trình giao dịch với Ngân hàng, ông Th1 thông qua hình thức chuyển khoản, rút tiền mặt, thanh toán đã sử dụng hạn mức thấu chi 30.000.000 đồng và còn nợ lại 22.427.659 đồng và lãi phát sinh. Khi hết thời hạn sử dụng dịch vụ thấu chi vào ngày 01 tháng 12 năm 2013 thì ông Th1 vẫn không thực hiện thanh toán toàn bộ dư nợ thấu chi. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở khách hàng, nhưng ông Th1 không có thiện chí trả nợ. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, ông Th1 còn nợ thấu chi thẻ là 76.776.074 đồng, trong đó: nợ gốc là 22.427.659 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.830.639 đồng, nợ lãi quá hạn là 50.517.776 đồng.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Th1 trả số tiền vốn gốc lãi của các hợp đồng nêu trên tạm tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 tổng cộng 120.769.712 đồng như đã nêu trên và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong.

Bị đơn ông Phan Trọng Th1 trình bày: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Ngân hàng Đ vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đồng thời xác định Ngân hàng Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Th1 trả số tiền tạm tính đến ngày 29 tháng 9 năm 2021 là: 129.093.409 đồng, trong đó:

Hợp đồng vay trả góp: Nợ vốn gốc là 16.872.394 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.180.966 đồng, lãi quá hạn là 28.808.718 đồng. Tổng cộng 47.862.078 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong. Hợp đồng vay thấu chi tài khoản thẻ: Nợ gốc là 22.427.659 đồng, lãi trong hạn là 3.830.639 đồng, lãi quá hạn là 54.973.033 đồng. Tổng cộng: 81.231.331 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong.

- Ông Phan Trọng Th1 vắng mặt và không cung cấp thêm ý kiến, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn, lãi đã cho vay dưới hình thức vay theo thẻ thấu chi và hợp đồng trả góp. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố X, tỉnh An Giang. Nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Khi khởi kiện, Ngân hàng Đ đã ghi đúng, đầy đủ địa chỉ của ông Th1 theo địa chỉ ông Th1 cung cấp khi xác lập các hợp đồng tín dụng và được ghi nhận vào hợp đồng. Quá trình tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn xác định bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú, đi không để lại địa chỉ. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì trường hợp của ông Th1 được xác định là trường hợp bị đơn giấu địa chỉ. Nên Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Ông Phan Trọng Th1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do; đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Theo nội dung Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 29 tháng 02 năm 2012 và Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 1303/TC16/2012 ngày 01 tháng 12 năm 2012 được ký kết giữa Ngân hàng Đ với ông Phan Trọng Th1 thì hai bên có thỏa thuận Ngân hàng cho ông Th1 vay số tiền 60.000.000 đồng (tổng của các hợp đồng) như Ngân hàng trình bày. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền vay, trong quá trình thực hiện các hợp đồng, ông Th1 chỉ thanh toán được một phần tiền vốn, lãi rồi không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Đ nữa mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở.

[3.2] Như vậy, có căn cứ xác định trên thực tế giữa Ngân hàng Đ và ông Phan Trọng Th1 có giao kết hợp đồng tín dụng dưới hình thức thấu chi tài khoản thẻ và vay tiền trả góp. Các hợp đồng được các bên tiến hành giao kết trên nguyên tắc tự nguyện; hình thức và nội dung của các Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật; lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do đó, các Hợp đồng trên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Sau khi ký kết hợp đồng, ông Th1 đã sử dụng số tiền vay nhưng số tiền ông Th1 trả cho Ngân hàng không đủ với số tiền đã nhận vay là vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Đ, Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Mặt khác, quá trình giải quyết, xét xử vụ án, ông Th1 không thể hiện, cung cấp ý kiến bằng văn bản, không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

[3.4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Th1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Đ số tiền 129.093.409 đồng (tạm tính đến ngày 29 tháng 9 năm 2021), trong đó:

- Hợp đồng vay trả góp: Nợ vốn gốc là 16.872.394 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.180.966 đồng, lãi quá hạn là 28.808.718 đồng. Tổng cộng: 47.862.078 đồng.

- Hợp đồng vay thấu chi tài khoản thẻ: Nợ gốc là 22.427.659 đồng, lãi trong hạn là 3.830.639 đồng, lãi quá hạn là 54.973.033 đồng. Tổng cộng: 81.231.331 đồng.

[3.5] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Th1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng Đ không phải chịu tiền án phí sơ thẩm. ông Th1 phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 238, các Điều 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Các Điều 463, 466, 470, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Khoản 14 và khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.
- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đối với ông Phan Trọng Th1.

Buộc ông Phan Trọng Th1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (Do Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh An Giang đại diện) nhận số tiền (tạm tính đến ngày 29 tháng 9 năm 2021) tổng cộng là 129.093.409 đồng (một trăm hai mươi chín triệu không trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm linh chín đồng), trong đó:

- Đối với hợp đồng vay trả góp: Nợ vốn gốc là 16.872.394 đồng (mười sáu triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn ba trăm chín mươi bốn đồng), nợ lãi trong hạn là 2.180.966 đồng (hai triệu một trăm tám mươi nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng), lãi quá hạn là 28.808.718 đồng (hai mươi tám triệu tám trăm linh tám nghìn bảy trăm mười tám đồng). Tổng cộng vốn, lãi của hợp đồng vay trả góp là: 47.862.078 đồng (bốn mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn không trăm bảy mươi tám đồng).

- Đối với hợp đồng vay thấu chi tài khoản thẻ: Nợ gốc là 22.427.659 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi chín đồng), lãi trong hạn là 3.830.639 đồng (ba triệu tám trăm ba mươi nghìn sáu trăm ba mươi chín đồng), lãi quá hạn là 54.973.033 đồng (năm mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn không trăm ba mươi ba đồng). Tổng cộng vốn, lãi của hợp đồng vay thấu chi tài khoản thẻ là: 81.231.331 đồng (tám mươi một triệu hai trăm ba mươi một nghìn ba trăm ba mươi một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 29 tháng 02 năm 2012 và Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 1303/TC16/2012 ngày 01 tháng 12 năm 2012. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng này, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (Do Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh An Giang đại diện) được nhận lại 3.019.200 đồng (ba triệu không trăm mười chín nghìn hai trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002153 ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X.

Ông Phan Trọng Th1 phải chịu 6.454.600 đồng (sáu triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (1);
- VKSND tp. X (2);
- Chi cục THADS tp. X (1);
- Các đương sự (2);
- Văn phòng (4);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Thúy Hoa

Huỳnh Văn Nam

Nguyễn Thùy Giang